

**CHUYÊN ĐỀ 2: PHÁT TRIỂN VÙNG**  
**Môn học: Địa lí; lớp 12/9, 12/11**  
**Thời gian thực hiện: 15 tiết (Từ tiết 11 đến tiết 25)**

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Kiến thức:**

- Trình bày được quan niệm về vùng, ý nghĩa của vùng và cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước.
- Phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,...
- Trình bày (tóm tắt) được các loại vùng kinh tế ở Việt Nam.
- Trình bày được đặc điểm và giải thích được sự hình thành của một số loại vùng kinh tế.

### **2. Năng lực:**

#### **\* Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
  - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
  - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

#### **\* Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
  - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
    - > Sử dụng được bản đồ để xác định được phạm vi, sự phân bố các loại vùng ở nước ta: vùng kinh tế - xã hội; vùng kinh tế ngành; vùng kinh tế trọng điểm.
    - > Phân tích được các nguồn lực, các ngành kinh tế nổi bật, các trung tâm kinh tế chính ở các vùng kinh tế nước ta.
  - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được cơ sở, ý nghĩa của việc hình thành các vùng kinh tế ở nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
  - + Sử dụng các công cụ địa lí
    - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
    - > Biết đọc và sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam, Atlas Địa lí Việt Nam.
    - > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: GRDP và cơ cấu GRDP...
  - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*
  - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các vùng kinh tế nước ta.
  - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các vùng kinh tế nước ta.

### **3. Phẩm chất:**

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tin tưởng vào sự lãnh đạo và đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống, sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

- *Chăm chỉ*: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm*: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Có ý thức trong việc lao động, xây dựng quê hương, đất nước.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị**: Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu**: SGK, tranh ảnh, video.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ôn định:

Tiết	Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. **Kiểm tra bài cũ**: Không kiểm tra.

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu**: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Trình chiếu và cho HS chơi “Trò chơi ô chữ”, HS theo dõi và trả lời câu hỏi.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định**: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Mở đầu: Vùng kinh tế là sản phẩm của công tác phân vùng và tổ chức lãnh thổ kinh tế quốc gia. Quy hoạch vùng kinh tế gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Vùng kinh tế được hiểu như thế nào, ý nghĩa của vùng kinh tế là gì? Nước ta có những loại vùng kinh tế nào, đặc điểm và sự hình thành của các vùng ra sao?*

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu quan niệm về vùng.

a) **Mục tiêu**: HS trình bày được quan niệm về vùng.

b) **Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* Câu hỏi: Trình bày quan niệm về vùng?

c) **Sản phẩm**: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. QUAN NIỆM, Ý NGHĨA, CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÙNG	
1. Quan niệm	
a) Vùng	
b) Vùng kinh tế	
Tên gọi	Quan niệm
a) Vùng	- Là một lãnh thổ bao gồm các yếu tố cấu thành có mối quan hệ với nhau, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của lãnh thổ đó và có mối quan hệ với các lãnh thổ khác. - Một số đặc điểm cơ bản:

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Là một lãnh thổ có ranh giới xác định, mang tính pháp lí hoặc ước lệ, bao gồm các bộ phận cấu thành có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và với không gian bên ngoài.</li> <li>+ Là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, có những đặc điểm riêng về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội để có thể phân biệt và hoạt động trong mối quan hệ với các vùng khác trong tổng thể của cả quốc gia.</li> <li>+ Sự tồn tại của vùng là khách quan và mang tính lịch sử.</li> <li>+ Số lượng và quy mô của vùng có thể thay đổi theo các giai đoạn.</li> </ul>	
b) Vùng kinh tế	Vùng kinh tế - xã hội	Là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các hoạt động kinh tế - xã hội tương đối độc lập, thực hiện sự phân công lao động xã hội của cả nước.
	Vùng kinh tế ngành	Là một loại vùng kinh tế được hình thành nhằm mục tiêu tổ chức, khai thác có hiệu quả các nguồn lực của vùng cho một ngành kinh tế.
	Vùng kinh tế trọng điểm	Là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, hội tụ các điều kiện và yếu tố phát triển thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, giữ vai trò động lực, đầu tàu thúc đẩy sự phát triển chung của cả nước.

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

#### Hoạt động 2.2. Tìm hiểu ý nghĩa của vùng.

a) **Mục tiêu:** HS trình bày được ý nghĩa của vùng.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi:** Trình bày ý nghĩa của vùng trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

<p><b>2. Ý nghĩa của vùng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.</li> <li>- Mỗi vùng có những đặc trưng riêng về các yếu tố cấu thành, tạo tiền đề cần thiết nhằm khai thác, sử dụng hợp lí các nguồn lực của lãnh thổ.</li> <li>- Mỗi vùng có khả năng khai thác lãnh thổ khác nhau, xu hướng phát triển cũng không giống nhau.</li> <li>- Sự hình thành vùng sẽ giúp các nhà quy hoạch, quản lí xác lập cơ cấu tổng thể các ngành kinh tế, trên cơ sở phân bố tốt hơn nguồn lực sản xuất của vùng.</li> </ul>
--

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu cơ sở hình thành vùng.**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được cơ sở hình thành vùng.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Cơ sở hình thành vùng**

Nhóm	Nhân tố	Ảnh hưởng
1	Vị trí địa lí	
2	Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	
3	Điều kiện kinh tế - xã hội	
4	Bên ngoài	

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**3. Cơ sở hình thành vùng trong nền kinh tế đất nước**

Vùng được hình thành trên cơ sở các nhân tố nội vùng và các nhân tố bên ngoài.

Nhóm nhân tố	Nhân tố	Ảnh hưởng
Nội vùng	Vị trí địa lí	Có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xác định phạm vi lãnh thổ của vùng, khả năng phát triển kinh tế trong vùng và mở ra các mối liên kết bên ngoài.
	Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Là cơ sở vật chất cho sự hình thành và khả năng phát triển chuyên môn hoá và phát triển tổng hợp của mỗi vùng.
	Điều kiện kinh tế - xã hội	Các yếu tố dân cư và nguồn lao động, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật, vốn và khoa học - công nghệ; đường lối chính sách của Nhà nước có vai trò quyết định với sự hình thành, hướng phát triển và việc tổ chức không gian kinh tế - xã hội trong vùng.
Bên ngoài	Các mối quan hệ liên vùng, khu vực và quốc tế; nguồn vốn và đầu tư công nghệ từ bên ngoài; bối cảnh quốc tế và khu vực,... cũng có tác động mạnh đến sự phát triển của các vùng trong bối cảnh toàn cầu hoá.	

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.4. Tìm hiểu việc phân biệt các loại vùng kinh tế**

**a) Mục tiêu:** HS phân biệt được các loại vùng kinh tế (theo các tiêu chí cụ thể): vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, vùng ngành,...

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  
**Phân biệt các loại vùng kinh tế**

Nhóm	Loại vùng kinh tế	Các tiêu chí chủ yếu	Ý nghĩa
1, 4	Vùng kinh tế- xã hội		
2, 5	Vùng kinh tế trọng điểm		
3, 6	Vùng kinh tế ngành		
	Vùng nông nghiệp		
	Vùng công nghiệp		
	Vùng du lịch		

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

<b>II. PHÂN BIỆT CÁC LOẠI VÙNG KINH TẾ</b>			
<b>BẢNG 2. CÁC TIÊU CHÍ CHỦ YẾU CHO CÁC LOẠI VÙNG KINH TẾ</b>			
STT	Loại vùng kinh tế	Các tiêu chí chủ yếu	Ý nghĩa
1	Vùng kinh tế- xã hội	GRDP và mức độ đóng góp trong cả nước: phụ thuộc các nguồn lực phát triển cũng như khả năng khai thác các nguồn lực của các vùng khác nhau.	Vai trò của vùng đối với cả nước.
		GRDP bình quân đầu người: phụ thuộc vào GRDP và số dân của vùng.	Phản ánh mức sống.
		Cơ cấu GRDP: phụ thuộc vào các thế mạnh nổi trội của vùng.	Phản ánh trình độ phát triển kinh tế.
		Trị giá xuất khẩu so với cả nước.	Hiệu quả kinh tế.
2	Vùng kinh tế trọng điểm	GRDP và mức độ đóng góp trong cả nước: thường cao so với các lãnh thổ lân cận.	Thể hiện vai trò đầu tàu, thúc đẩy sự phát triển của cả nước.
		GRDP bình quân đầu người: phụ thuộc vào GRDP và số dân của vùng.	Phản ánh mức sống.
		Cơ cấu GRDP: phụ thuộc vào các thế mạnh nổi trội của vùng.	Hiệu quả kinh tế.
		Trị giá xuất khẩu so với cả nước.	
		Thu hút vốn đầu tư.	Lợi thế hấp dẫn đầu tư.
3	Vùng kinh tế ngành		
	Vùng nông nghiệp	Điều kiện sinh thái nông nghiệp: mỗi vùng nông nghiệp có điều kiện sinh thái riêng cho phát triển nhóm cây trồng, vật nuôi nhất định.	- Khai thác lợi thế vùng miền. - Hiệu quả sản xuất.
		Tổ chức hoạt động sản xuất nông nghiệp.	-

		Sản phẩm nông nghiệp chủ đạo, đặc thù, đặc biệt là sản phẩm OCOP (theo chương trình mỗi xã một sản phẩm).	
	Vùng công nghiệp	Giá trị sản xuất công nghiệp: phụ thuộc điều kiện phát triển công nghiệp. Các ngành công nghiệp chủ đạo.	Hiệu quả khai thác lãnh thổ và tổ chức sản xuất.
	Vùng du lịch	Doanh thu, số khách du lịch: phụ thuộc tài nguyên du lịch. Các sản phẩm du lịch đặc trưng, các loại hình du lịch chủ yếu. Địa bàn tổ chức hoạt động du lịch, trung tâm du lịch,...	- Kết quả hoạt động du lịch. - Hiệu quả khai thác thế mạnh du lịch của vùng. - Kết quả tổ chức lãnh thổ du lịch.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.5. Tìm hiểu quá trình hình thành vùng kinh tế - xã hội**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được quá trình hình thành vùng kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi:** Trình bày sự hình thành vùng kinh tế - xã hội ở nước ta.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**III. CÁC LOẠI VÙNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM**

**1. Vùng kinh tế - xã hội**

**a) Quá trình hình thành**

Giai đoạn	Nội dung
Sau khi thống nhất đất nước	Công tác phân vùng bắt đầu được chú trọng.
Thập niên 80 của thế kỉ XX	Cả nước được phân chia thành 4 vùng kinh tế lớn là: - Bắc Bộ, - Bắc Trung Bộ, - Nam Trung Bộ, - Nam Bộ.
1986 - 2000	Nước ta được chia thành 8 vùng kinh tế gồm: - Đông Bắc, - Tây Bắc, - Đồng bằng sông Hồng, - Bắc Trung Bộ, - Duyên hải Nam Trung Bộ, - Tây Nguyên, - Đông Nam Bộ, - Đồng bằng sông Cửu Long.

Sau năm 2000	Nước ta chia thành 6 vùng kinh tế gắn với 3 vùng kinh tế trọng điểm.
Hiện nay	Cả nước được chia thành 6 vùng kinh tế - xã hội gồm: - Trung du và miền núi Bắc Bộ, - Đồng bằng sông Hồng, - Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, - Tây Nguyên, - Đông Nam Bộ, - Đồng bằng sông Cửu Long.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

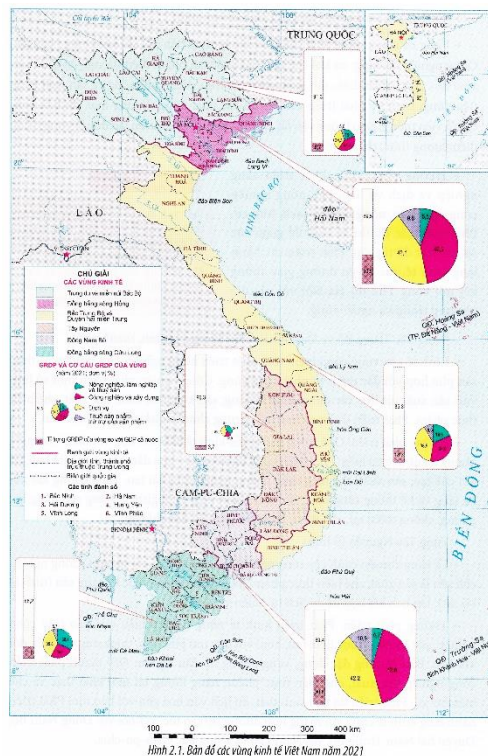
+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.6. Tìm hiểu đặc điểm phát triển các vùng kinh tế - xã hội**

**a) Mục tiêu:** HS phân biệt được đặc điểm phát triển các loại vùng kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung:** HS nghiên cứu tư liệu, SGK, làm việc 6 nhóm để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu ở nhà từ tiết trước.



Hình 2.1. Bản đồ các vùng kinh tế Việt Nam năm 2021

Nhóm	Vùng
1	Trung du và miền núi Bắc Bộ
2	Đồng bằng sông Hồng
3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung
4	Tây Nguyên
5	Đông Nam Bộ
6	Đồng bằng sông Cửu Long

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thiết kế của 6 nhóm HS thể hiện nội dung sau:

**b) Đặc điểm phát triển**

<b>Vùng</b>	<b>Đặc điểm phát triển</b>
Trung du và miền núi Bắc Bộ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Gồm 14 tỉnh.</li><li>- Kinh tế của vùng phát triển còn khiêm tốn:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nông nghiệp: chủ yếu là các cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn và phát triển lâm nghiệp.</li><li>+ Công nghiệp: khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.</li><li>+ Dịch vụ phát triển chậm.</li></ul></li><li>- Hướng phát triển:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.</li><li>+ Mở rộng diện tích cây ăn quả.</li><li>+ Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản.</li><li>+ Phát triển bền vững công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng.</li><li>+ Ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản trong nông nghiệp.</li><li>+ Phát triển kinh tế cửa khẩu.</li><li>+ Phát triển du lịch bền vững mang đặc trưng riêng của vùng (văn hoá dân tộc; hệ sinh thái núi cao, hang động,...).</li></ul></li></ul>
Đồng bằng sông Hồng	<ul style="list-style-type: none"><li>- Gồm 11 tỉnh, thành phố.</li><li>- Có nền kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế tiến bộ:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Công nghiệp đa dạng: cơ khí chế tạo; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất hoá chất; nhiệt điện; sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống và sản xuất hàng tiêu dùng.</li><li>+ Dịch vụ phát triển với đầy đủ các hoạt động thương mại, du lịch, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải,...</li><li>+ Nông nghiệp phát triển lâu đời, là vùng trọng điểm lương thực, chăn nuôi.</li></ul></li><li>- Hướng phát triển:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Phát triển công nghiệp và dịch vụ hiện đại.</li><li>+ Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ.</li><li>+ Phát triển các đô thị vệ tinh.</li><li>+ Phát triển các hành lang kinh tế, các tuyến đường giao thông kết nối Thủ đô Hà Nội với các địa phương trong và ngoài vùng.</li></ul></li></ul>
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	<ul style="list-style-type: none"><li>- Gồm 14 tỉnh, thành phố.</li><li>- Kinh tế của vùng còn khiêm tốn.</li><li>- Tình hình phát triển các ngành kinh tế:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với đặc điểm tự nhiên của vùng.</li><li>+ Công nghiệp phát triển một số lĩnh vực: sản xuất vật liệu xây dựng; khai khoáng; sản xuất hoá chất; sản xuất, chế biến thực phẩm.</li><li>+ Phát triển dịch vụ cảng biển, trung chuyển quá cảnh, du lịch biển,....</li></ul></li><li>- Hướng phát triển:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Phát triển kinh tế biển kết hợp với đảm bảo quốc phòng an ninh trên biển.</li><li>+ Phát triển công nghiệp lọc - hoá dầu; sản xuất kim loại; cơ khí chế tạo; sản xuất, chế biến thực phẩm; năng lượng tái tạo.</li><li>+ Tăng cường kết nối hạ tầng và hệ thống cảng biển, các trung tâm dịch vụ logistics.</li><li>+ Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.</li></ul></li></ul>
Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"><li>- Gồm 5 tỉnh.</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình phát triển các ngành kinh tế:</li> <li>+ Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn, chăn nuôi gia súc lớn.</li> <li>+ Công nghiệp chủ yếu là sản xuất, chế biến thực phẩm; thủy điện và khai thác khoáng sản (nhất là bô-xít).</li> <li>+ Du lịch kết hợp cả du lịch tự nhiên và văn hoá.</li> <li>- Hướng phát triển:</li> <li>+ Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao với quy mô phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> <li>+ Bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn.</li> <li>+ Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; năng lượng tái tạo; khai thác và chế biến bô-xít.</li> <li>+ Phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hoá gắn với bảo tồn.</li> <li>+ Phát triển hành lang kinh tế cùng với mạng lưới đường bộ cao tốc, kết nối với Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ với Nam Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia.</li> </ul>
Đông Nam Bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 6 tỉnh, thành phố.</li> <li>- Có trình độ phát triển kinh tế cao nhất:</li> <li>+ Công nghiệp: nổi bật là công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; cơ khí đóng tàu. Công nghiệp nhẹ phát triển hướng ra xuất khẩu.</li> <li>+ Dịch vụ: phát triển mạnh, đứng đầu cả nước.</li> <li>+ Nông nghiệp: là vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng hoá lớn của cả nước, có trình độ tập trung hoá và thâm canh cao.</li> <li>- Hướng phát triển:</li> <li>+ Giữ vững vai trò là vùng kinh tế động lực hàng đầu cả nước.</li> <li>+ Phát triển khoa học - công nghệ, đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số.</li> <li>+ Phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị hiện đại và các khu công nghiệp công nghệ cao.</li> <li>+ Phát triển mạnh kinh tế biển.</li> <li>+ Nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, ứng dụng công nghệ cao.</li> <li>+ Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng.</li> <li>+ Phát triển các hành lang kinh tế, các tuyến đường giao thông hiện đại, kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các địa phương trong và ngoài vùng</li> </ul>
Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 13 tỉnh, thành phố.</li> <li>- Tình hình phát triển các ngành kinh tế:</li> <li>+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: giữ vai trò đáng kể trong cơ cấu kinh tế của vùng. Là vùng trọng điểm số một của cả nước về sản xuất lúa, khai thác và nuôi trồng thủy sản, có giá trị hàng hoá cao.</li> <li>+ Công nghiệp: chủ yếu là sản xuất, chế biến thực phẩm; cơ khí nông nghiệp; sản xuất hoá chất; khai thác thế mạnh khoáng sản dầu, khí ở vùng thềm lục địa.</li> <li>- Hướng phát triển:</li> <li>+ Phát triển thành vùng kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao.</li> <li>+ Sản xuất nông nghiệp hàng hoá hiện đại gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm.</li> </ul>

- + Chú trọng công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; công nghiệp phục vụ nông nghiệp.
- + Phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch sinh thái và du lịch biển.
- + Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.
- + Phát triển một số hành lang kinh tế, tăng cường hạ tầng kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; đường thủy nội địa, kết nối với đường biển.

**Em có biết?**

Theo Quyết định số 763/QĐ-TTc của Thủ tướng Chính phủ ngày 5 - 6 - 2016: Phạm vi Vùng Thủ đô Hà Nội bao gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 9 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hoà Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang. Tổng diện tích toàn vùng khoảng 24 314,7 km.

**Em có biết?**

Theo Quyết định 1065/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 3 - 7 - 2014. Phạm vi Vùng Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh và 7 tỉnh xung quanh gồm: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang. Tổng diện tích khoảng 30 404 km<sup>2</sup>.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 02 phút để chuẩn bị trưng bày sản phẩm trước lớp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả trong khoảng thời gian là 05 phút.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.7. Tìm hiểu quá trình hình thành vùng kinh tế trọng điểm**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được quá trình hình thành vùng kinh tế trọng điểm.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

\* **Câu hỏi:** Trình bày sự hình thành vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**2. Vùng kinh tế trọng điểm**

**a) Quá trình hình thành**

- Chính phủ Việt Nam đã lựa chọn một số tỉnh, thành phố để thành lập các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia. Những vùng này có khả năng đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

- Cuối năm 1997 và đầu năm 1998, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch 3 vùng kinh tế trọng điểm gồm:

+ Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

+ Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

+ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Ngày 16 - 4 - 2009, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án thành lập Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

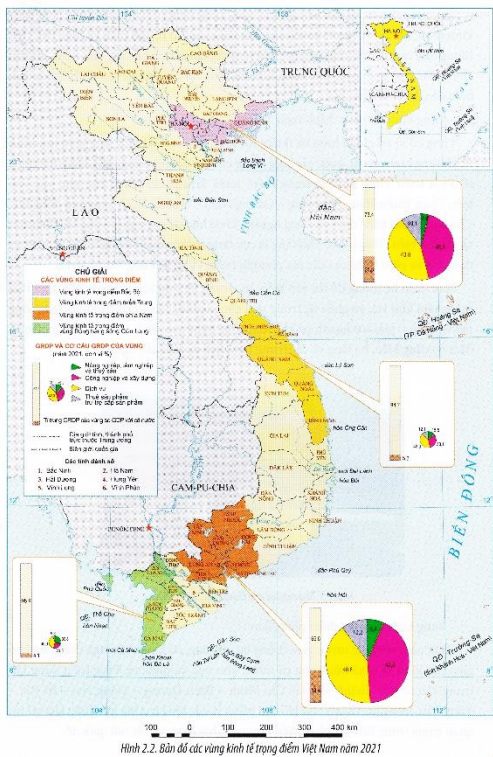
+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.8. Tìm hiểu đặc điểm phát triển của từng vùng kinh tế trọng điểm**

**a) Mục tiêu:** HS phân biệt được đặc điểm phát triển các loại vùng kinh tế trọng điểm.

**b) Nội dung:** HS nghiên cứu tư liệu, SGK, làm việc 4 nhóm để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu ở nhà từ tiết trước.



Hình 2.2. Bản đồ các vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam năm 2021



Hình 2.3. Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi

Nhóm	Vùng
1	Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ
2	Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung
3	Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam
4	Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thiết kế của 4 nhóm HS thể hiện nội dung sau:

Vùng	Đặc điểm
Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vai trò quan trọng hàng đầu về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học - công nghệ của cả nước.</li> <li>- Tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng.</li> <li>- Phát triển vùng tập trung vào tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để tạo nên vùng động lực, trong đó Thủ đô Hà Nội là cực tăng trưởng quan trọng nhất trong liên kết phát triển khu vực phía Bắc và kết nối quốc tế.</li> <li>- Tập trung đầu tư, đi đầu trong khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; phát triển một số ngành dịch vụ hiện đại, chất lượng cao, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giá trị gia tăng cao, tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu; chú trọng</li> </ul>

	kinh tế biển với các ngành vận tải biển, du lịch biển đảo, kinh tế hàng hải....
Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vị trí chiến lược và thuận lợi hình thành các hành lang giao lưu kinh tế, thương mại với các quốc gia láng giềng cả trên đất liền và đường hàng hải quốc tế.</li> <li>- Phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tập trung vào khu vực ven biển Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi, tạo vùng động lực.</li> <li>- Chú trọng phát triển dịch vụ, công nghiệp, khoa học - công nghệ; trung tâm logistics và du lịch biển.</li> <li>- Thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng quan trọng.</li> <li>- Phát triển hệ thống đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái; trung tâm công nghiệp lọc - hoá dầu quốc gia, công nghiệp ô tô - phụ trợ ngành cơ khí, khu công nghệ cao.</li> <li>- Phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá.</li> </ul>
Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nằm trên các tuyến giao thông quan trọng, có nhiều cửa ngõ thuận lợi cho giao lưu kinh tế - xã hội trong cả nước, khu vực và quốc tế.</li> <li>- Tập trung vào tứ giác Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng lớn nhất; giữ vai trò quan trọng nhất.</li> <li>- Các lĩnh vực dịch vụ được đẩy mạnh trong vùng là tài chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.</li> <li>- Tập trung phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đi đầu trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, xây dựng kinh tế số, xã hội số.</li> <li>- Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, các công viên phần mềm, trí tuệ nhân tạo.</li> <li>- Chú trọng phát triển kinh tế biển như dịch vụ logistics, khai thác, chế biến dầu khí, du lịch biển.</li> </ul>
Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở vị trí phía nam của đất nước, là một bộ phận của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</li> <li>- Dẫn đầu về sản xuất lương thực, thực phẩm của cả nước.</li> <li>- Tập trung vào tam giác Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang, trong đó thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng quan trọng nhất.</li> <li>- Chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hình thành các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với các vùng chuyên canh.</li> <li>- Xây dựng vùng dẫn đầu trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ.</li> <li>- Tăng cường phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; cơ khí, sản xuất hoá chất phục vụ nông nghiệp.</li> <li>- Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, trong đó Phú Quốc được xây dựng thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mang tầm quốc tế.</li> </ul>

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 02 phút để chuẩn bị trưng bày sản phẩm trước lớp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả trong khoảng thời gian là 05 phút.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

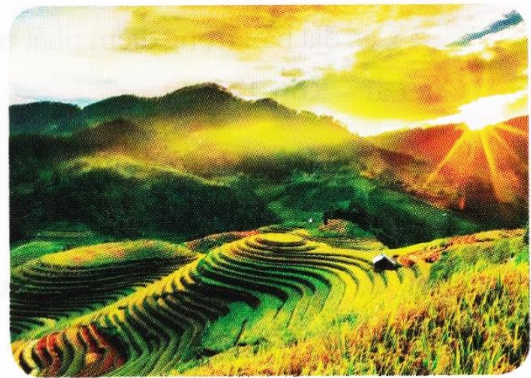
**Hoạt động 2.9. Tìm hiểu vùng kinh tế ngành**

**a) Mục tiêu:** HS trình bày được quá trình hình thành và đặc điểm phát triển của các vùng nông nghiệp, vùng công nghiệp, vùng du lịch.

**b) Nội dung:** HS nghiên cứu tư liệu, SGK, làm việc 6 nhóm để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu ở nhà từ tiết trước.



Hình 2.4. Cảnh đồng lúa ở An Giang



Hình 2.5. Ruộng bậc thang Mù Cang Chải, Yên Bái



Hình 2.6. Chợ nổi Ngã Năm, Sóc Trăng

Nhóm	Vùng kinh tế ngành
1, 4	Vùng nông nghiệp
2, 5	Vùng công nghiệp
3, 6	Vùng du lịch

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thiết kế của 6 nhóm HS thể hiện nội dung sau:

3. Vùng kinh tế ngành		
a) Vùng nông nghiệp		
* Vùng sinh thái nông nghiệp		
Vùng	Số tỉnh/thành phố	Hướng chuyên môn hóa
Trung du và miền núi phía Bắc	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cây công nghiệp lâu năm cận nhiệt: chè và cây dược liệu như hồi, quế,...</li> <li>- Cây công nghiệp hàng năm như đậu tương, lạc,...</li> <li>- Cây ăn quả.</li> </ul>

		- Chăn nuôi gia súc lớn, đặc biệt là chăn nuôi trâu, bò và lợn.
Đồng bằng sông Hồng	10	- Lúa gạo. - Cây rau, đậu. - Cây công nghiệp hàng năm. - Chăn nuôi lợn, gia cầm và nuôi bò sữa.
Bắc Trung Bộ	6	- Lúa. - Cây ăn quả. - Cây công nghiệp hàng năm. - Chăn nuôi gia súc lớn (bò, trâu), chăn nuôi lợn. - Thủy sản nghiêng về nuôi trồng nhưng vai trò không đáng kể.
Duyên hải Nam Trung Bộ	8	- Cây công nghiệp hàng năm. - Lúa. - Chăn nuôi lợn và bò thịt. - Khai thác hải sản.
Tây Nguyên	5	- Cà phê và một số sản phẩm cây công nghiệp lâu năm khác như cao su, hồ tiêu, chè,... - Chăn nuôi bò sữa, bò thịt.
Đông Nam Bộ	6	- Cao su, điều, hồ tiêu,... - Cây công nghiệp hàng năm như mía, lạc,... - Chăn nuôi bò sữa. - Khai thác hải sản.
Đồng bằng sông Cửu Long	13	- Lúa. - Cây ăn quả nhiệt đới. - Chăn nuôi gia cầm, nhất là nuôi vịt. - Thủy sản (cả khai thác và nuôi trồng).

**\* Vùng nông nghiệp chuyên canh**

- Có thể gọi là vùng chuyên môn hoá các sản phẩm nông nghiệp.

- Có quy mô rất linh hoạt, có thể là cả một vùng nông nghiệp.

- Một số vùng chuyên canh:

+ Vùng chuyên canh cây công nghiệp như: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Vùng chuyên canh cây lương thực như: Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Các vùng chuyên canh cũng không bao trùm hết toàn bộ lãnh thổ quốc gia.

- Vùng chuyên canh cũng có thể là một lãnh thổ nhỏ hơn nằm trong một vùng nông nghiệp hoặc một địa phương cấp tỉnh, có mức độ chuyên môn hoá sâu về một sản phẩm chính

- Các vùng chuyên môn hoá hoặc gọi là vùng sản xuất trọng điểm như:

+ Vùng chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò): ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

+ Vùng chăn nuôi lợn: ở Đồng bằng sông Hồng.

+ Vùng sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long,...

**\* Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

- Về trồng trọt: Phát triển các vùng sản xuất nông sản ứng dụng công nghệ cao, tập trung như:

+ Cà phê tại Tây Nguyên, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ;

+ Chè tại Thái Nguyên, Lâm Đồng;

+ Thanh long tại Bình Thuận;

+ Rau tại Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng;

+ Hoa tại Lào Cai, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng;

- + Cây ăn quả chủ lực xuất khẩu tại Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Về chăn nuôi: Phát triển các vùng chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, tập trung như:
  - + Bò sữa tại Sơn La, Hà Nội, Nghệ An và Lâm Đồng;
  - + Lợn tại vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ;
  - + Gia cầm tại vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Về thủy sản: Phát triển các vùng sản xuất tôm nước mặn, nước lợ ứng dụng công nghệ cao, tập trung lại vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**Em có biết?**

Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vùng chuyên canh, diện tích liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính một tỉnh, có điều kiện tự nhiên thích hợp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh về giao thông, thủy lợi, điện, thuận lợi cho sản xuất hàng hoá, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương.

*(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**b) Vùng công nghiệp**

**\* Quá trình hình thành**

- Theo Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính, nước ta chia thành 6 vùng công nghiệp, cụ thể là:

Vùng CN	Các tỉnh, thành phố
Vùng 1	14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc (Bắc Kạn, Bắc Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Hoà Bình, Hà Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái).
Vùng 2	15 tỉnh, thành phố Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ (Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Tây, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hoá, Vĩnh Phúc).
Vùng 3	10 tỉnh, thành phố ven biển Trung Bộ (Bình Định, Đà Nẵng, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế).
Vùng 4	4 tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum).
Vùng 5	8 tỉnh, thành phố (Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh).
Vùng 6	13 tỉnh, thành phố Đồng bằng sông Cửu Long (An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long).

- Theo Quyết định số 880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, phân bố không gian công nghiệp nước ta được quy hoạch theo các vùng lãnh thổ (6 vùng kinh tế, gắn với các vùng kinh tế trọng điểm).

**\* Đặc điểm phát triển**

Vùng	Đặc điểm phát triển
Trung du miền núi phía Bắc	- Tập trung phát triển các ngành khai thác và chế biến khoáng sản; thủy điện; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất hoá chất; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất kim loại, lắp ráp linh kiện, công nghiệp hỗ trợ... - Các trung tâm công nghiệp chính tập trung ở khu vực Đông Bắc: Việt Trì, Thái Nguyên, Bắc Giang,...
Đồng bằng sông Hồng	- Cơ cấu công nghiệp khá đa dạng: cơ khí, sản xuất kim loại, sản xuất hoá chất, nhiệt điện, công nghiệp công nghệ cao.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển có chọn lọc công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện cơ khí, ô tô, xe máy, linh kiện điện tử xung quanh thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh.</li> <li>- Các trung tâm công nghiệp lớn: Hà Nội, Hải Phòng và một số trung tâm công nghiệp khác.</li> </ul>
Duyên hải miền Trung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động công nghiệp chủ yếu ở khu vực ven biển.</li> <li>- Các ngành chính: chế biến hải sản; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí đóng tàu và sửa chữa tàu biển; mới đây có công nghiệp lọc - hoá dầu.</li> <li>- Công nghiệp được phát triển gắn với sự phát triển của hệ thống cảng biển, với trục hành lang Đông - Tây.</li> <li>- Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng là Đà Nẵng.</li> </ul>
Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu công nghiệp theo ngành khá đơn giản, chủ yếu là công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ; thủy điện; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản (bô-xít).</li> <li>- Chưa có trung tâm công nghiệp có quy mô đáng kể.</li> </ul>
Đông Nam Bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí; dầu khí và các chế phẩm hoá dầu, hoá chất; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp phụ trợ; công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; sản xuất hàng tiêu dùng cho xuất khẩu.</li> <li>- TP Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn hàng đầu cả nước và một số trung tâm khác như Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.</li> </ul>
Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong vùng tập trung phát triển các ngành công nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, thủy hải sản xuất khẩu; cơ khí nông nghiệp; công nghiệp khí - điện - đạm; sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng,...</li> <li>- Cần Thơ là trung tâm công nghiệp lớn nhất trong vùng, các trung tâm công nghiệp khác có quy mô nhỏ hơn và được phân bố trải đều.</li> </ul>

### c) Vùng du lịch

#### \* Quá trình hình thành

- Bắt đầu từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX đến nay, nước ta đã tiến hành nghiên cứu phân vùng du lịch Việt Nam.
- Năm 1995, nước ta phân thành 3 vùng du lịch gồm: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2473/QĐ-TTg, nước ta được quy hoạch thành 7 vùng du lịch. Cụ thể như sau:

Vùng	Các tỉnh, thành phố
Trung du và miền núi Bắc Bộ	Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang.
Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc	Hà Nội và các tỉnh, thành phố: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Hải Phòng và Quảng Ninh.
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
Duyên hải Nam Trung Bộ	Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.
Tây Nguyên	Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.
Đông Nam Bộ	TP Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh.

Đồng bằng sông Cửu Long	Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang, Hậu Giang và thành phố Cần Thơ.
-------------------------	--

**\* Đặc điểm phát triển**

Vùng	Đặc điểm phát triển
Trung du và miền núi Bắc Bộ	- Sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch về nguồn, tham quan tìm hiểu bản sắc văn hoá dân tộc; hệ sinh thái núi cao, hang động; nghỉ dưỡng núi; nghỉ cuối tuần, du lịch thể thao, khám phá; du lịch biên giới gắn với thương mại cửa khẩu. - Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch: Sơn La - Điện Biên, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hà Giang.
Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc	- Sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch văn hoá; du lịch biển, đảo; du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn, du lịch lễ hội; du lịch vui chơi giải trí cao cấp. - Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình.
Bắc Trung Bộ	- Sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch tham quan di sản, di tích lịch sử - văn hoá, du lịch biển, đảo; du lịch tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái; du lịch biên giới gắn với các cửa khẩu. - Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch: Thanh Hoá, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh, Quảng Bình - Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
Duyên hải Nam Trung Bộ	- Sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch biển, đảo; du lịch tham quan, nghiên cứu bản sắc văn hoá. - Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch: Đà Nẵng - Quảng Nam, Bình Định - Phú Yên - Khánh Hoà, Bình Thuận.
Tây Nguyên	- Sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch văn hoá, tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu, du lịch biên giới gắn với cửa khẩu. - Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch: Lâm Đồng (thành phố Đà Lạt), Đắk Lắk, Gia Lai - Kon Tum.
Đông Nam Bộ	- Sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch văn hoá, lễ hội, giải trí; nghỉ dưỡng biển, thể thao, mua sắm; du lịch biên giới gắn với cửa khẩu. - Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch: TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu.
Đồng bằng sông Cửu Long	- Sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch sinh thái (miệt vườn, đất ngập nước); du lịch biển, đảo; du lịch văn hoá, lễ hội. - Các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch: Tiền Giang - Bến Tre, Cần Thơ, Kiên Giang, Đồng Tháp - An Giang, Cà Mau.

**Em có biết?**

Theo dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nước ta có 6 vùng du lịch là Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 02 phút để chuẩn bị trưng bày sản phẩm trước lớp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả trong khoảng thời gian là 05 phút.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

### **Hoạt động 2.10. Thực hành tìm hiểu và viết báo cáo về vùng kinh tế ở nước ta**

**a) Mục tiêu:** HS thu thập được tranh ảnh, số liệu, video,... để viết báo cáo về vùng kinh tế nước ta.

**b) Nội dung:** HS nghiên cứu tư liệu, SGK, làm việc 4 nhóm để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu ở nhà từ tiết trước. Cụ thể như sau:

#### **IV. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ VÙNG KINH TẾ Ở NƯỚC TA**

##### **1. Nội dung**

Lựa chọn một trong các chủ đề sau đây để viết báo cáo về nội dung vùng kinh tế ở Việt Nam:

- Thực trạng và định hướng phát triển của một trong sáu vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- Nguồn lực và thực trạng phát triển của một trong bốn vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam.
- Tiềm năng và định hướng phát triển của một trong bảy vùng du lịch ở Việt Nam.
- Giải pháp phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu của một trong bảy vùng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam.

##### **2. Nguồn tư liệu**

- Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Văn bản của Chính phủ về Chiến lược phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, các vùng kinh tế,...
- Công thông tin điện tử của Chính phủ và các Bộ, ban ngành liên quan:
  - + Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
  - + Bộ Công thương.
  - + Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
  - + Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...

##### **3. Gợi ý thực hiện**

- Lựa chọn nội dung tìm hiểu.
- Viết báo cáo.
- Trình bày báo cáo.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm đã được thiết kế của 4 nhóm HS.

##### **d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 02 phút để chuẩn bị trưng bày sản phẩm trước lớp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả trong khoảng thời gian là 05 phút.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

### **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

\* **Câu hỏi:** Lập bảng kể tên các loại vùng kinh tế của nước ta hiện nay theo mẫu sau vào vở ghi bài:

Vùng kinh tế	Vùng kinh tế	Vùng nông	Vùng công	Vùng du lịch
--------------	--------------	-----------	-----------	--------------

<b>tổng hợp</b>	<b>trọng điểm</b>	<b>nghiệp</b>	<b>nghiệp</b>	
?	?	?	?	?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**\* Gợi ý:**

Vùng kinh tế tổng hợp	Vùng kinh tế trọng điểm	Vùng nông nghiệp	Vùng công nghiệp	Vùng du lịch
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Trung du và miền núi phía Bắc) (14 tỉnh)</li> <li>- Vùng Đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố)</li> <li>- Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (14 tỉnh, thành phố)</li> <li>- Vùng Tây Nguyên (5 tỉnh)</li> <li>- Vùng Đông Nam Bộ (6 tỉnh, thành phố)</li> <li>- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh, thành phố)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ</li> <li>- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung</li> <li>- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam</li> <li>- Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng sinh thái nông nghiệp</li> <li>- Vùng nông nghiệp chuyên canh</li> <li>- Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ</li> <li>- Vùng Đồng bằng sông Hồng (trong đó có Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ)</li> <li>- Vùng Duyên hải miền Trung (trong đó có Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung)</li> <li>- Vùng Tây Nguyên</li> <li>- Vùng Đông Nam Bộ (trong đó có Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam)</li> <li>- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó có Vùng kinh tế trọng điểm - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ</li> <li>- Vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc</li> <li>- Vùng Bắc Trung Bộ</li> <li>- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ</li> <li>- Vùng Tây Nguyên</li> <li>- Vùng Đông Nam Bộ</li> <li>- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long</li> </ul>

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, hướng dẫn chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

#### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:** Tìm hiểu thông tin về vùng kinh tế có địa phương (tỉnh, thành phố) em.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**\* Gợi ý:**

- Giới thiệu khái quát về địa phương em: tên gọi, vị trí, đặc điểm tự nhiên (diện tích, địa hình, khí hậu, rừng, biển,...)
- Khái quát về các loại vùng (vùng kinh tế - xã hội; vùng kinh tế ngành: vùng nông nghiệp, vùng du lịch; vùng kinh tế trọng điểm) nơi sinh sống.
- Thông tin về vùng (ví dụ viết về vùng kinh tế - xã hội):
  - + Phạm vi lãnh thổ...
  - + Nguồn lực...
  - + GRDP và cơ cấu GRDP...
  - + Các ngành kinh tế nổi bật...
  - + Một số trung tâm kinh tế

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

#### **4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

#### **5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: CHUYÊN ĐỀ 12.3. PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ

*Phú Thuận, ngày 1 tháng 2 năm 2026*

**GIÁO VIÊN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CM**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Trần Văn Chanh**